

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIỄN CHÂU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS - ST

Ngày: 28- 02 - 2025

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Khánh.

2. Ông Phạm Văn Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An** tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024 /QĐXX - ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền lại: ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ PUN KHCN MB 02 – V1. (có mặt)

Địa chỉ: Tầng C VPBank S, nhà LK1 T, khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (*Văn bản ủy quyền số 5133/2024/UQ-KHCN ngày 01/04/2024*).

- Bị đơn: bà Lương Thị H, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Và ông Trần Việt L, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Đều trú tại: xóm T, xã D (xã N mới), huyện D, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01/07/2024, trong quá trình giải quyết vụ án , các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP V (V2) và ông Trần Việt L và bà Lương Thị H đã ký Hợp đồng cho vay số LN2201055021894 ngày 27/01/2022 với các thỏa thuận như sau: Số tiền vay: **900,000,000 (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng)**; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là: 9 %/năm; Lãi suất cho vay trong hạn được cố

định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; BKS: 37A-969.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37031383 do Phòng C, Công an tỉnh N cấp ngày 22/09/2020 mang tên bà Lương Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số LN2201055021894 ngày 27/01/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn chỉ trả được một phần nợ lãi. Đến ngày 05/01/2024 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận giữa các bên. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ và thông báo trả nợ nhưng bị đơn vẫn không trả nợ. Tính đến ngày 28/02/2025 ông H và bà L đã thanh toán cho V2 số tiền là 332,575,239 đồng (tiền gốc là: 196.903.512 đồng và 135.671.727 đồng tiền lãi). Tính đến ngày 28/02/2025 ông H và bà L còn nợ V1 số tiền là 914.107.878 đồng (chín trăm mười bốn triệu một trăm linh bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó tiền gốc: 703.096.488 đồng (bảy trăm linh ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) và 211.011.386 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 40.203.444 đồng, lãi quá hạn là: 170.807.942 đồng). Vì vậy Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc ông Trần Việt L và bà Lương Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V2 tổng số tiền là 914.107.878 đồng (chín trăm mười bốn triệu một trăm linh bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng) (trong đó tiền gốc: 703.096.488 đồng (bảy trăm linh ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) và 211.011.386 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 40.203.444 đồng, lãi quá hạn là: 170.807.942 đồng) tính đến ngày 28/02/2025. Kể từ ngày 29/02/2025 bị đơn phải chịu lãi suất theo Hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Trường hợp ông H và bà L không trả được nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; BKS: 37A-969.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37031383 do Phòng C, Công an tỉnh N cấp ngày 22/09/2020 mang tên bà Lương Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số LN2201055021894 ngày 27/01/2022.

Đối với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; BKS: 37A-969.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37031383 do Phòng C, Công an tỉnh N cấp ngày 22/09/2020 mang tên bà Lương Thị H khi ngân hàng V1 phát hiện thấy tài sản thì Ngân hàng sẽ yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân

sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông L và bà H, đã được Tòa án tổng đạt hợp pháp nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Trần Việt L và bà Lương Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 12/11/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án ông L và bà H thống nhất khai nhận: Vợ chồng ông L, bà H có ký hợp đồng cho vay số LN 2201055021894 ngày 27/1/2022 với số tiền là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay để mua xe ô tô peugeot. Tài sản thế chấp là chiếc xe Peugeot biển kiểm soát: 37A-969.13 mang tên Lương Thị H theo hợp đồng thế chấp LN 2201055021894 ngày 27/1/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia đình chúng tôi đã thanh toán đầy đủ cho ngân hàng V1 đến ngày 7/1/2024, sau đó việc làm ăn của gia đình không được thuận lợi nên chúng tôi chưa thể thanh toán tiếp số tiền còn lại. Tính đến 07/01/2025 anh L và chị H còn nợ ngân hàng số tiền 892.021.012 đồng, trong đó nợ gốc là 703,096,488 đồng, nợ lãi 188.924.524 đồng (trong đó 40.203.444 lãi trong hạn và 148.721.080 đồng lãi quá hạn).

Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng anh L và chị H có thể chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; BKS: 37A-969.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37031383 do Phòng C, Công an tỉnh N cấp ngày 22/09/2020 mang tên bà Lương Thị H.

Nay ngân hàng TMCP V2 yêu cầu bà trả nợ thì ông L và bà H xác nhận có nợ và đồng ý trả toàn bộ số nợ 892.021.012 đồng, trong đó nợ gốc là 703.096.488 đồng, nợ lãi 188.924.524 đồng (trong đó 40.203.444 đồng tiền lãi trong hạn và 148.721.080 đồng lãi quá hạn) tính đến ngày 07/01/2025. Từ ngày 08 tháng 01 năm 2025 Ngân hàng tiếp tục tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn cho đến thời điểm thanh toán hết khoản vay

2. Trường hợp ông L, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm tiền vay là Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; BKS: 37A-969.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37031383 do Phòng C, Công an tỉnh N cấp ngày 22/09/2020 mang tên bà Lương Thị H.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp nếu chưa đủ số tiền trả nợ cho Ngân hàng V2 thì ông L, bà H tiếp tục thực hiện việc trả nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V.

**Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án đối với các tài sản được thế chấp có kết quả như sau:** Quá trình giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án thì ông L và bà H phải đưa tài sản thế chấp nêu trên đến trụ sở UBND xã N, huyện D,

tỉnh Nghệ An để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng ông H, bà L không thực hiện nội dung yêu cầu trên nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 317, Điều 319, Khoản 6 Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, cụ thể:

1. Buộc ông Trần Việt L và bà Lương Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP V khoản nợ theo Hợp đồng cho vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2025 tổng số tiền là 914.107.878 đồng (chín trăm mười bốn triệu một trăm linh bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng) (trong đó tiền gốc: 703.096.488 đồng (bảy trăm linh ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) và 211.011.386 đồng tiền lãi (trong đó lãi trong hạn là: 40.203.444 đồng, lãi quá hạn là: 170.807.942 đồng).

Trong trường hợp nếu ông Trần Việt L và bà Lương Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng phát hiện tài sản thế chấp có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; BKS: 37A-969.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37031383 do Phòng C, Công an tỉnh N cấp ngày 22/09/2020 mang tên bà Lương Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số LN2201055021894 ngày 27/01/2022.

2. Về án phí: Ông Trần Việt L và bà Lương Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về “hợp đồng tín dụng” và quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Việt L và bà Lương Thị H có địa chỉ cư trú tại xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông Trần Việt L và bà Lương Thị H đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà H theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Xét nội dung yêu cầu của Nguyên đơn:**

[2.1]. Xét về tính hợp pháp của Hợp đồng cho vay: Hợp đồng cho vay số LN2201055021894 ngày 27/01/2022 đều được lập thành văn bản, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của V2 và ông Trần Việt L và bà Lương Thị H. Các bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Điều 17 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Tài sản đảm bảo khoản vay: 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; BKS: 37A-969.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37031383 do Phòng C, Công an tỉnh N cấp ngày 22/09/2020 mang tên bà Lương Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số LN2201055021894 ngày 27/01/2022 số công chứng 957 quyền số 01/2022TP/CC-CSCC/HĐGD tại Văn phòng C1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp các bên đã hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Vì vậy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp phù hợp với các Điều 292, 293, 298 và 317 của Bộ luật dân sự.

[2.3]. Về việc thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ cho vay theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Việc này đã được chứng minh bằng các giấy giải ngân; bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn,

và lời khai tại phiên tòa, thể hiện bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn. Nhưng khi đến hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng cho vay và vi phạm quy định tại các điều 280, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4]. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 332,575,239 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi chín đồng); Tổng số tiền bị đơn còn nợ V2 tính đến ngày 28/02/2025 số tiền là 914.107.878 đồng (chín trăm mười bốn triệu một trăm linh bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó tiền gốc: 703.096.488 đồng (bảy trăm linh ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) và 211.011.386 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 40.203.444 đồng, lãi quá hạn là: 170.807.942 đồng)

[2.5]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, cần được chấp nhận. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 28/2/2025 tổng số tiền 914.107.878 đồng (chín trăm mười bốn triệu một trăm linh bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó tiền gốc: 703.096.488 đồng (bảy trăm linh ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) và 211.011.386 đồng tiền lãi (trong đó lãi trong hạn là: 40.203.444 đồng, lãi quá hạn là: 170.807.942 đồng).

[2.6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.7] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa hai bên và lời khai của nguyên đơn, bị đơn. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ của bị đơn.

Tài sản xe ô tô sau khi nhận thế chấp, Ngân hàng TMCP V đã giao lại cho ông L và bà H quản lý sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án thì ông L và bà H phải đưa tài sản thế chấp nêu trên đến trụ sở UBND xã D (xã N), huyện D, tỉnh Nghệ An để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng ông L và bà H không thực hiện nội dung yêu cầu trên nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ để làm cơ sở quyết định xử lý tài sản thế chấp khi giải quyết

vụ án. Do vậy V2 đề nghị đối với tài sản thế chấp này khi V1 phát hiện thấy tài sản thì V1 sẽ yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này không trái quy định của pháp luật và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp nên cần chấp nhận khi V2 phát hiện thấy tài sản này thì V2 sẽ yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 317, Điều 319, Khoản 6 Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, cụ thể:

1. Buộc ông Trần Việt L và bà Lương Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP V khoản nợ theo Hợp đồng cho vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2025 tổng số tiền 914.107.878 đồng (chín trăm mười bốn triệu một trăm linh bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng) (trong đó tiền gốc: 703.096.488 đồng (bảy trăm linh ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) và 211.011.386 đồng tiền lãi (trong đó lãi trong hạn là: 40.203.444 đồng, lãi quá hạn là: 170.807.942 đồng) ) theo Hợp đồng cho vay số LN2201055021894 ngày 27/01/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp nếu ông Trần Việt L và bà Lương Thị H không thực hiện

hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng phát hiện tài sản thế chấp có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT, NEW Peugeot 3008; BKS: 37A-969.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37031383 do Phòng C, Công an tỉnh N cấp ngày 22/09/2020 mang tên bà Lương Thị H, theo Hợp đồng thế chấp số LN2201055021894 ngày 27/01/2022 số công chứng 957 quyền số 01/2022TP/CC-CSCC/HĐGD tại Văn phòng C1.

Sau khi ông Trần Việt L và bà Lương Thị H phải trả nợ xong số tiền vay của hợp đồng cho vay thì ngân hàng V2 phải trả lại cho các chủ sử dụng, sở hữu các giấy đăng ký xe tương ứng với tài sản đã thế chấp.

Trường hợp số tiền thu từ xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông Trần Việt L và bà Lương Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP V.

## 2. Về án phí:

- Ông Trần Việt L và bà Lương Thị H phải chịu 39.423.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011538 ngày 17/07/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### *Nơi nhận:*

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Diên Châu;*
- *Chi cục THADS huyện Diên Châu;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Võ Thị Kim Dung**



